

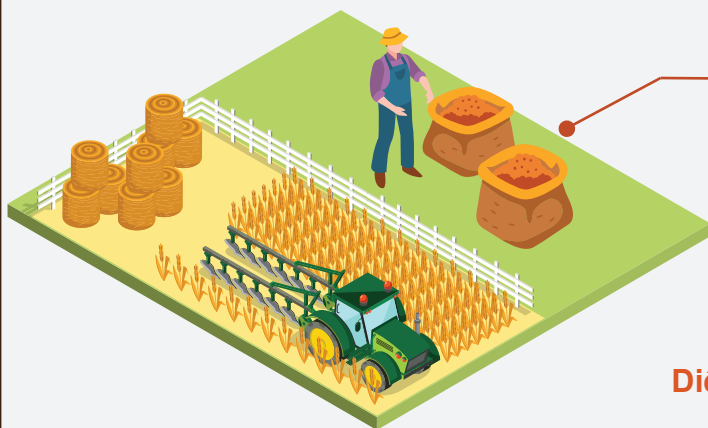


Tháng 10 và 10 tháng năm 2020

KINH TẾ - XÃ HỘI

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(Tính đến ngày 15/10/2020)



Vụ hè thu

↓ 3,5%

↑ 0,9 tạ/ha

1.920,4
nghìn ha

55,7
tạ/ha

Diện tích thu hoạch

Năng suất

Số lượng gia súc, gia cầm tháng 10/2020 so với cùng thời điểm năm trước

↓ 2%



Trâu

↑ 2,5%



Bò

↑ 7,6%



Lợn

↑ 4,3%



Gia cầm

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)

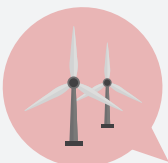
104,1

Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải



103,2

Sản xuất và phân phối điện



104,2

Chế biến, chế tạo



91,9

Khai khoáng



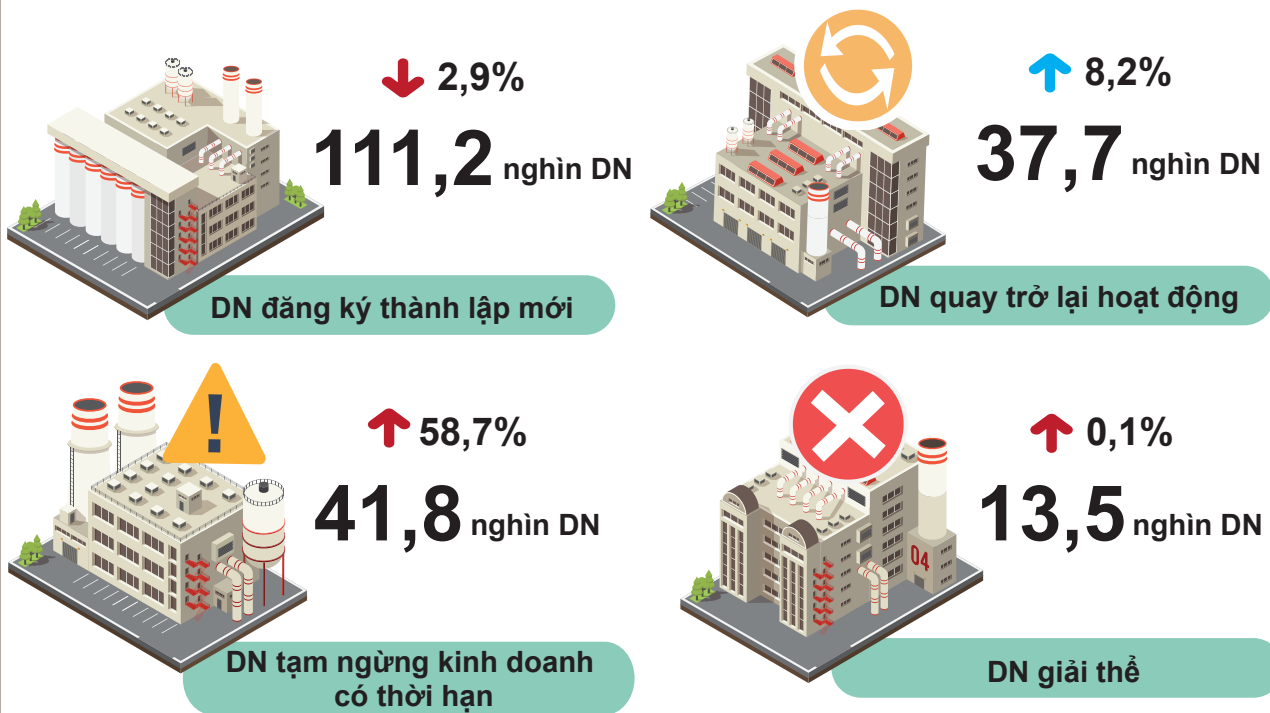
102,7



TOÀN NGÀNH

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(10 tháng năm 2020)



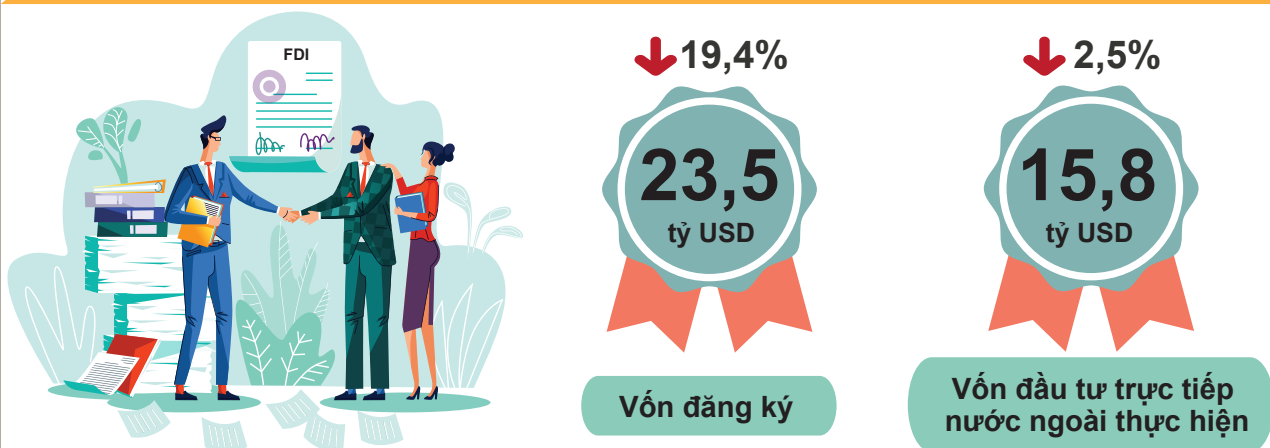
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NSNN

(10 tháng năm 2020)



VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

(Từ 1/1 đến 20/10/2020)



THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

(10 tháng năm 2020)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



↑ 1,3%
4.123 nghìn tỷ đồng

Loại trừ yếu tố giá ↓ 3%

Xuất, nhập khẩu hàng hóa

↑ 4,7%
229,27 tỷ USD

XUẤT KHẨU



↑ 0,4%
210,55 tỷ USD

NHẬP KHẨU

Khách quốc tế đến Việt Nam (Nghìn lượt khách)

↓ 73,8%
3.803,3
TỔNG SỐ



↓ 73,4%
3.064,8

Đường hàng không

↓ 78,5%
593,9

Đường bộ

↓ 32,2%
144,6

Đường biển

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

LẠM PHÁT CƠ BẢN

100,09%

T10/2020
so với T9/2020

103,71%

Bình quân 10T/2020
so với 10T/2019

2,52%

Bình quân
10T/2020 so với
10T/2019

0,07%

T10/2020 so với
T9/2020

TAI NẠN GIAO THÔNG

(10 tháng năm 2020)

3.523

↓ 14,3%

Người bị thương



5.107

↓ 24,5%

Người bị thương nhẹ



6.717

↓ 10,9%

Vụ tai nạn giao thông
(từ ít nghiêm trọng trở lên)

5.456

↓ 13,6%

Người chết

